

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

STT	Tên đơn vị	Nghị định số 66/2025/NĐ-CP			Nghị định số 188/2026/NĐ-CP			Nghị định số 339/2025/NĐ-CP		Số lượng gạo cần hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (kg)	Địa điểm giao nhận gạo
		Số lượng học sinh	Số gạo thừa học kỳ II năm học 2025-2026 (kg)	Gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng)	Số lượng học sinh bán trú	Số lượng học sinh nội trú	Gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng)	Số lượng học sinh	Gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng)		
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(1)*15*4-(2)	(4)	(5)	(6)=(4)*8*4+(5)*15*4	(7)	(8)=(7)*4*15	(9)=(3)+(6)+(8)	
I	Xã A Lưới 1	63	450	3.330	-	-	-	1.534	49.088	52.418	Trung tâm xã A Lưới 1
1	Trường Tiểu học Hồng Kim			-			-	245	7.840	7.840	
2	Trường Tiểu học Hồng Trung			-			-	866	27.712	27.712	
3	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hồng Thủy			-			-	423	13.536	13.536	
4	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hồng Vân	63	450	3.330			-		-	3.330	
II	Xã A Lưới 2	352	-	21.120	-	-	-	3.292	105.344	126.464	Trung tâm xã A Lưới 2
1	Trường Tiểu học Kim Đồng			-			-	1.304	41.728	41.728	
2	Trường Tiểu học Vừ A Dính			-			-	776	24.832	24.832	
3	Trường Trung học cơ sở Lê Lợi			-			-	1.212	38.784	38.784	

STT	Tên đơn vị	Nghị định số 66/2025/NĐ-CP			Nghị định số 188/2026/NĐ-CP			Nghị định số 339/2025/NĐ-CP		Số lượng gạo cần hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (kg)	Địa điểm giao nhận gạo
		Số lượng học sinh	Số gạo thừa học kỳ II năm học 2025-2026 (kg)	Gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng)	Số lượng học sinh bán trú	Số lượng học sinh nội trú	Gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng)	Số lượng học sinh	Gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng)		
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(1)*15*4-(2)	(4)	(5)	(6)=(4)*8*4+(5)*15*4	(7)	(8)=(7)*4*15	(9)=(3)+(6)+(8)	
4	Trường Trung học cơ sở Dân tộc nội trú A Lưới	279		16.740			-		-	16.740	
5	Trường Trung học phổ thông A Lưới	73		4.380			-		-	4.380	
III	Xã A Lưới 3	5	-	300	895	160	38.240	-	-	38.540	Trung tâm xã A Lưới 3
1	Trường Phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở A Lưới 3			-	895	160	38.240		-	38.240	
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực 4	5		300			-		-	300	
IV	Xã A Lưới 4	110	150	6.450	1.198	200	50.336	-	-	56.786	Trung tâm xã A Lưới 4
1	Trường Phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở A Lưới 4			-	1.198	200	50.336		-	50.336	

STT	Tên đơn vị	Nghị định số 66/2025/NĐ-CP			Nghị định số 188/2026/NĐ-CP			Nghị định số 339/2025/NĐ-CP		Số lượng gạo cần hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (kg)	Địa điểm giao nhận gạo
		Số lượng học sinh	Số gạo thừa học kỳ II năm học 2025-2026 (kg)	Gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng)	Số lượng học sinh bán trú	Số lượng học sinh nội trú	Gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng)	Số lượng học sinh	Gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng)		
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(1)*15*4-(2)	(4)	(5)	(6)=(4)*8*4+(5)*15*4	(7)	(8)=(7)*4*15	(9)=(3)+(6)+(8)	
2	Trường Trung học phổ thông Trường Sơn	110	150	6.450			-		-	6.450	
V	Xã Bình Điền	7	-	420	-	-	-	-	-	420	Trung tâm xã Bình Điền
1	Trường Trung học phổ thông Bình Điền	7		420			-		-	420	
VI	Phường Thuận Hoá	293	150	17.430	-	-	-	-	-	17.430	Trung tâm phường Thuận Hoá
1	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú thành phố Huế	293	150	17.430			-		-	17.430	
VII	Xã Khe Tre	120	-	7.200			-		-	7.200	Trung tâm xã Khe tre
1	Trường Trung học cơ sở Dân tộc nội trú Nam Đông	120	-	7.200			-		-	7.200	
Tổng cộng		950	750	56.250	2.093	360	88.576	4.826	154.432	299.258	